

Số: **1984**QĐ-BNN-QLCL

Hà Nội, ngày **21** tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phân công kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nông lâm thủy sản chế biến và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và Nghị định của Chính phủ số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Vụ Trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nông lâm thủy sản chế biến và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ (Phụ lục kèm theo).

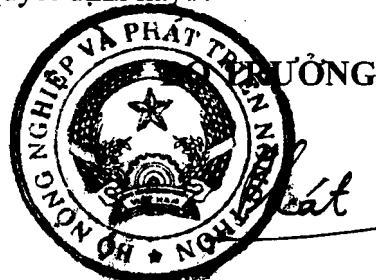
Điều 2. Nguyên tắc kiểm tra, giám sát đảm bảo theo nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Công Thương; KHCN;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, QLCL.




Cao Đức Phát

PHÂN CÔNG

Kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nông lâm thủy sản chế biến và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Ban hành kèm theo quyết định/QLCL ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)




| TT | Nhóm sản phẩm/ sản phẩm | Đơn vị được phân công | | | |
|-----|---|--|--|---|---|
| | | Chế biến* | Nhập khẩu | Chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản | Xuất khẩu |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 | Sản phẩm thực phẩm chế biến có nguồn gốc động vật trên cạn. | - Cục Thú y - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt) | - Cục Thú y (các đơn vị trực thuộc Cục Thú y hoặc đơn vị được ủy quyền) - Cục Quản lý Chất lượng NLS và TS (kiểm tra tại nước XK và công nhận danh sách các cơ sở được phép xuất khẩu vào Việt Nam) | Cục Thú y (Các cơ quan thú y có thẩm quyền) | Cục Thú y |
| 2 | Sản phẩm thực phẩm chế biến có nguồn gốc thủy sản. | Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản | - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản. - Cục Thú y (kiểm tra tại cửa khẩu) | Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản | Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản |
| 3 | Sản phẩm thực phẩm chế biến có nguồn gốc thực vật; đường. | - Cục Chế biến thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối. - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt) | - Cục Bảo vệ thực vật (các đơn vị trực thuộc Cục BVTV hoặc đơn vị được ủy quyền) - Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (kiểm tra tại nước XK và công nhận nước xuất khẩu) | Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản | Cục Bảo vệ thực vật |



| TT | Nhóm sản phẩm/ sản phẩm | Đơn vị được phân công | | | |
|-----|---|--|--|--|--|
| | | Chế biến* | Nhập khẩu | Chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản | Xuất khẩu |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 4 | Sản phẩm thực phẩm chế biến từ nguyên liệu là sản phẩm thủy sản, động vật trên cạn và thực vật. | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Thú y (sản phẩm có thành phần chính là động vật trên cạn) - Cục Bảo vệ thực vật (sản phẩm có thành phần chính là thực vật) - Cục Quản lý CLNLS và TS (sản phẩm có thành phần chính là thủy sản; thực phẩm chế biến khác) | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Thú y (sản phẩm có thành phần chính là động vật trên cạn) - Cục Bảo vệ thực vật (sản phẩm có thành phần chính là thực vật) - Cục Quản lý CLNLS và TS (sản phẩm có thành phần chính là thủy sản; sản phẩm thực phẩm chế biến khác) - Cục Quản lý Chất lượng NLS và TS (kiểm tra tại nước XK và công nhận danh sách các cơ sở được phép xuất khẩu vào Việt Nam) | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Thú y (sản phẩm có thành phần chính là động vật trên cạn) - Cục Bảo vệ thực vật (sản phẩm có thành phần chính là thực vật) - Cục Quản lý CLNLS và TS (sản phẩm có thành phần chính là thủy sản; sản phẩm thực phẩm chế biến khác). | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Thú y (sản phẩm có thành phần chính là động vật trên cạn) - Cục BVTV (sản phẩm có thành phần chính là thực vật) - Cục Quản lý CLNLS và TS (sản phẩm có thành phần chính là thủy sản; sản phẩm thực phẩm chế biến khác) |
| 5 | Gia vị | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Thú y (gia vị có nguồn gốc động vật trên cạn) - Cục BVTV (gia vị có nguồn gốc thực vật) - Cục Quản lý CLNLS và TS (gia vị có nguồn gốc thủy sản; gia vị khác) | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Thú y (gia vị có nguồn gốc động vật trên cạn) - Cục BVTV (gia vị có nguồn gốc thực vật) - Cục Quản lý CLNLS và TS (gia vị có nguồn gốc thủy sản; gia vị khác) - Cục Quản lý Chất lượng NLS và TS (kiểm tra tại nước XK và công nhận danh sách các cơ sở được phép xuất khẩu vào Việt Nam) | Cục Quản lý CLNLS và TS (chủ trì); Cục Thú y, Cục Bảo vệ thực vật (phối hợp) | <ul style="list-style-type: none"> - Cục Thú y (gia vị có nguồn gốc động vật trên cạn) - Cục BVTV (gia vị có nguồn gốc thực vật) - Cục Quản lý CLNLS và TS (gia vị có nguồn gốc thủy sản; gia vị khác) |




| TT | Nhóm sản phẩm/ hàng hóa | Đơn vị được phân công | | | |
|----|--|---|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | | Sản xuất | Nhập khẩu | Lưu thông trong nước | Xuất khẩu |
| 6 | Dụng cụ, vật liệu gói, chứa đựng phẩm. |  <p>- Cục Thú y (cơ sở sản xuất gắn liền với cơ sở sản xuất sản phẩm động vật)</p> <p>- Cục Bảo vệ thực vật (cơ sở sản xuất gắn liền với cơ sở sản xuất sản phẩm thực vật)</p> <p>- Cục Quản lý CLNLS và TS (cơ sở sản xuất độc lập; cơ sở sản xuất gắn liền với cơ sở sản xuất sản phẩm thủy sản)</p> | Cục Quản lý CLNLS và TS | Cục Quản lý CLNLS và TS | Cục Quản lý CLNLS và TS |

** Các công đoạn sản xuất trước chế biến (sản xuất ban đầu, sơ chế/ giết mổ) đã được phân công theo Quyết định số 3408/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

** Sản phẩm thực phẩm chế biến khác là thực phẩm không xác định được thành phần chính hoặc thực phẩm có thành phần chính thay đổi;*

** Gia vị khác là gia vị có thành phần sản xuất bằng phương pháp hóa tổng hợp/ sinh tổng hợp hoặc phối trộn từ nhiều loại nguyên liệu.*

